TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 01 - 2019
V/v tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN- TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơn

2. Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh- Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Anh Đ. Sinh năm: 1989

Trú tại: Tổ 66, Đông Hải, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng- Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S. Sinh năm: 1987

Trú tại: Tổ 66, Đông Hải, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trương Ngọc Ánh- Luật sư, Công ty luật TNHH MTV SUNLAW, thuộc Đoàn luật sư TP. Đà Nẵng- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2018, đơn trình bày, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị Anh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn S kết hôn với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 66 phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà nẵng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông S thường xuyên đánh đập bà và gây ra nợ nần, nhưng vì thương con nên bà cố gắng sống và khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông S vẫn không thay đổi.

Nay tình cảm của bà đối với ông S không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 04/7/2008, Nguyễn Thị Mai N1, sinh ngày 22/8/2013 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 16/8/2015. Ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi cả 03 con và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà xác nhận không có;

Về nợ chung: Bà xác nhận không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông xác nhận với bà Đ về thời gian kết hôn và thời điểm chung sống. Theo ông nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà Đ có quan hệ với người khác. Nay bà Đ có đơn gửi Tòa án xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đ.

Về quan hệ con chung: Ông xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 04/7/2008, Nguyễn Thị Mai N1, sinh ngày 22/8/2013 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 16/8/2015. Ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con và yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng gồm có các tài sản sau:

Diện tích thửa đất số 42, tờ bản đồ số B2.33, diện tích 92.2m^2, tại khu tái định cư Đông Hải, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 778477, do UBND quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng cấp ngày 18/8/2011. Trị giá; 800.000.000 đồng.

Một căn nhà 01 tầng, sàn đúc có chuồng cu phía trên xây dựng trên quyền sử dụng đất của ông Mai Đăng A và bà Nguyễn Thị A1 tại đường Đông Hải 4, tổ 66 phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Trị giá; 200.000.000 đồng. Ly hôn, đề nghị chia mỗi người ½ giá trị. Đồng thời đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 778477, do UBND quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng cấp ngày 18/8/2011 do cấp sai quy định. do cấp sai quy định.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời những người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn là ông Nguyễn Văn S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ông Trương Ngọc Ánh đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 35; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của bà Mai Thị Anh Đ với ông Nguyễn Văn S.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Anh Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Giao 03 con chung cho bà Mai Thị Anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Mai Thị Anh Đ nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ông Trương Ngọc Ánh vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong qúa trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn và ông Trương Ngọc Ánh nhưng tất cả vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và ông Trương Ngọc Ánh theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Mai Thị Anh Đ và ông Nguyễn Văn S kết hôn vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng; hôn nhân tự nguyện. Đây là đôi hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống với nhau đến năm 2015 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo lời khai của bà Đ thì nguyên nhân mâu thuẫn do ông S thường

xuyên đánh đập bà và gây ra nợ nần, nhưng vì thương con nên bà cố gắng sống và khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông S vẫn không thay đổi.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông S tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, đã từ lâu không còn trách nhiệm gì với nhau, bà Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do ông S thường xuyên đánh đập bà và gây ra nợ nần.

Còn ông S cũng xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bà Đ có quan hệ với người khác nên ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà Đ.

Tại phiên tòa, bà Đ cương quyết xin được ly hôn ông S, còn ông S vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông S theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

- Về con chung: Vợ chồng bà Đ và ông S có 03 con chung, Nguyễn Thành N, sinh ngày 04/7/2008, Nguyễn Thị Mai N1, sinh ngày 22/8/2013 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 16/8/2015. Ly hôn, bà Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Còn ông S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con và yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi

Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Ở đây cả 03 cháu hiện còn nhỏ và đang ở với mẹ nên cuộc sống của các cháu cần có sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như việc nuôi dưỡng của mẹ đối với con. Hơn nữa, cháu Nguyễn Thành N có nguyện vọng được ở với mẹ. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử xét cần giao 03 cháu cho bà Đ được trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, bà Đ không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung là ý chí tự nguyện của bà Đ nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Bà Mai Thị Anh Đ xác định không có tài sản chung; còn ông Nguyễn Văn S khai nại, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có các tài sản gồm: Diện tích thửa đất số 42, tờ bản đồ số B2.33, diện tích 92.2m^2, tại khu tái định cư Đông Hải, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 778477, do UBND quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng cấp ngày 18/8/2011. Trị giá; 800.000.000 đồng.

Một căn nhà 01 tầng, sàn đúc có chuồng cu phía trên xây dựng trên quyền sử dụng đất của ông Mai Đăng A và bà Nguyễn Thị A1 tại đường Đông Hải 4, tổ 66 phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Trị giá; 200.000.000 đồng. Ly

hôn, đề nghị chia mỗi người ½ giá trị. Đồng thời đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 778477, của UBND quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng cấp ngày 18/8/2011 do cấp sai quy định.

Ngày 10/9/2018, Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án bổ sung phần tài sản và ngày 09/10/2018 ra Quyết định trưng cầu giám định; ngày 30/10/2018 ông S đã nhận thông báo yêu cầu nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng nhưng đến ngày 23/11/2018 ông S vẫn không nộp tiền nên Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ tài chính Đà Nẵng có Công văn số 395/CV-CTy ngày 23/11/2018 gửi Tòa án thông báo về việc không nộp tiền tạm ứng phí thẩm định giá. Ngày 26/11/2018 Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự phần chia tài sản chung số 89B/2018/QĐST-HNGĐ. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét. Sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Về nợ chung: Bà Mai Thị Anh Đ và ông Nguyễn Văn S đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Mai Thị Anh Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của bà Mai Thị Anh Đ đối với ông Nguyễn Văn S.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Anh Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao 03 con Nguyễn Thành N, sinh ngày 04/7/2008, Nguyễn Thị Mai N1, sinh ngày 22/8/2013 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 16/8/2015 cho bà Mai Thị Anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Không đề cập đến.

5. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Mai Thị Anh Đ phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0001723 ngày 17/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lâm